

PHỤ LỤC

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế
của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

(Kèm theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Loại xe	Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)	Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu	01	4.500
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	01	1.350
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	02	4.500
		Xe ô tô được thiết kế hoặc có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động phòng, chống dịch	03	1.400
		Xe xét nghiệm lưu động	01	4.500
		Xe chở máy phun và hoá chất	02	1.400

STT	Cơ quan, đơn vị	Loại xe	Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)	Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)
3	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Xe ô tô có gắn còi, đèn ưu tiên, có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	01	4.500
4	Trung tâm Pháp Y	Xe giám định pháp y	01	2.200
		Xe vận chuyển tử thi	01	1.800
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
5	Bệnh viện Da liễu	Xe ô tô được thiết kế hoặc có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
6	Bệnh viện Phổi	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
7	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Xe ô tô cứu thương	02	1.500
		Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt	05	3.750
8	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cán bộ trung và cấp cao	01	3.750
		Xe lấy máu	01	2.800
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600
9	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600
10	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600

STT	Cơ quan, đơn vị	Loại xe	Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)	Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)
11	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt	01	3.750
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600
12	Trung tâm Y tế huyện Đức Linh	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	01	1.350
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
13	Trung tâm Y tế huyện Tân Linh	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Phòng khám Đa khoa khu vực Bắc Ruộng - huyện Tân Linh	01	1.500

STT	Cơ quan, đơn vị	Loại xe	Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)	Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)
14	Trung tâm Y tế huyện Hàm Tân	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Thắng - huyện Hàm Tân Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Minh - huyện Hàm Tân	Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
15	Trung tâm Y tế thị xã La Gi	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Hải - thị xã La Gi	Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
16	Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Nam	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Thuận - huyện Hàm Thuận Nam	Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
Phòng khám Đa khoa khu vực Hàm Cấn - huyện Hàm Thuận Nam	Xe ô tô cứu thương	01	1.500	

STT	Cơ quan, đơn vị	Loại xe	Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)	Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)
17	Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc Phòng khám Đa khoa khu vực Đông Giang - huyện Hàm Thuận Bắc Phòng khám Đa khoa khu vực Phú Long - huyện Hàm Thuận Bắc	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
18	Trung tâm Y tế huyện Bắc Bình	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	01	1.350
19	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong Phòng khám Đa khoa khu vực Phan Rí Cửa - huyện Tuy Phong	Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500

STT	Cơ quan, đơn vị	Loại xe	Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)	Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)
20	Trung tâm Y tế thành phố Phan Thiết	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
21	Phòng khám Đa khoa khu vực Mũi Né - TP.Phan Thiết	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô cứu thương	02	1.500
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400